

BIỂU 3: TỔNG HỢP TỶ LỆ CHE PHỦ RỪNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: ha

TT	Đơn vị	Diện tích tự nhiên	Tổng diện tích có rừng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng		Chia theo mục đích sử dụng				Tỷ lệ che phủ rừng (%)
					Đã thành rừng	Chưa thành rừng	Cộng	Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Huyện Buôn Đôn	141.014	103.933,2	102.847,6	1.085,6	192,1	104.125,2	94.085,9	3.165,7	6.873,6	73,70
2	Huyện Cư Kuin	28.830	1.343,8	0,7	1.343,1	209,9	1.553,8	0,0	0,0	1.553,8	4,66
3	Huyện Cư M'gar	82.450	6.015,9	3.513,6	2.502,3	78,8	6.094,7	0,0	53,1	6.041,7	7,30
4	Huyện Ea H'Leo	133.408	43.905,6	28.702,1	15.203,6	491,9	44.397,5	9,1	2.546,8	41.841,6	32,91
5	Huyện Ea Kar	103.700	31.405,4	26.958,1	4.447,3	429,2	31.834,6	22.791,1	542,9	8.500,6	30,28
6	Huyện Ea Súp	176.532	72.376,6	65.275,1	7.101,5	1.019,9	73.396,4	14.192,3	3.518,8	55.685,3	41,00
7	Huyện Krông ANa	35.590	4.030,4	2.241,2	1.789,3	296,7	4.327,1	1.425,5	136,9	2.764,8	11,32
8	Huyện Krông Bông	125.695	68.765,9	65.818,1	2.947,9	89,4	68.855,3	29.972,1	13.558,9	25.324,3	54,71
9	Huyện Krông Búk	35.768	2.420,4	12,8	2.407,6	9,6	2.430,0	0,0	0,0	2.430,0	6,77
10	Huyện Krông Năng	61.462	11.717,8	5.449,6	6.268,2	323,6	12.041,4	35,0	4.469,2	7.537,2	19,07
11	Huyện Krông Pắc	62.576	1.565,0	0,0	1.565,0	527,7	2.092,8	0,0	0,0	2.092,8	2,50
12	Huyện Lắk	125.607	77.778,0	73.869,3	3.908,7	848,3	78.626,3	50.964,1	16.522,7	11.139,6	61,92
13	Huyện M'Drắk	128.439	69.680,4	36.898,1	32.782,2	4.874,6	74.555,0	0,0	19.213,8	55.341,2	54,25
14	TP Buôn Ma Thuột	37.710	1.575,1	344,8	1.230,3	19,0	1.594,1	0,0	219,8	1.374,3	4,18
15	Thị xã Buôn Hồ	28.261	721,7	0,0	721,7	20,9	742,6	0,0	0,0	742,6	2,55
TỔNG CỘNG		1.307.041	497.235,2	411.930,9	85.304,2	9.431,6	506.666,7	213.475,0	63.948,5	229.243,3	38,04

Chi chú:

- Cột 3: Diện tích tự nhiên lấy theo số liệu của cơ quan Tài nguyên và Môi trường
- Cột 4 = Cột 5 + Cột 6
- Cột 8 = Cột 9 + Cột 10 + Cột 11 = Cột 5 + Cột 6 + Cột 7
- Cột 11: Gồm diện tích rừng sản xuất và diện tích có rừng tự nhiên, rừng trồng ngoài lâm nghiệp
- Cột 12 = $[Cột\ 4 / Cột\ 3] * 100\ (\%)$
- Hàng tổng cộng là số liệu của toàn tỉnh